

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ  
\*\*\*\*\*

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH KẾ TOÁN  
KHÓA 15

Tên chương trình : Kế toán  
Trình độ đào tạo : Đại học (Cử nhân)  
Ngành đào tạo : Kế toán  
(Accounting)  
Mã ngành : 7340301  
Hình thức đào tạo : Chính quy

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Chữ viết đầy đủ</b>
1	CĐR	Chuẩn đầu ra
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	TC	Tín chỉ

## MỤC LỤC

<b>BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>1</b>
<b>A. GIỚI THIỆU CHUNG .....</b>	<b>1</b>
<b>I. Thông tin chung về CTĐT .....</b>	<b>1</b>
<b>II. Tầm nhìn - Sứ Mệnh – Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục .....</b>	<b>1</b>
<b>B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>2</b>
<b>I. Mục tiêu đào tạo.....</b>	<b>2</b>
1.1. Mục tiêu chung .....	2
1.2. Mục tiêu cụ thể .....	3
1.2.1. Kiến thức.....	3
1.2.2. Kỹ năng.....	3
1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	3
1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	3
<b>II. Chuẩn đầu ra .....</b>	<b>3</b>
2.1. Kiến thức.....	3
2.2. Kỹ năng.....	4
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm .....	4
<b>III. Nội dung chương trình đào tạo.....</b>	<b>5</b>
<b>IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT.....</b>	<b>8</b>
<b>V. Tiến trình đào tạo .....</b>	<b>11</b>
<b>VI. Nội dung các học phần.....</b>	<b>12</b>
6.1. Mô tả học phần .....	12
6.2. Đề cương chi tiết học phần .....	26

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 349/QĐ-ĐHSD, ngày 15 tháng 7 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

### A. GIỚI THIỆU CHUNG

#### I. Thông tin chung về CTĐT

- Tên CTĐT: Kế toán (Accounting)
- Mã ngành đào tạo: 7340301
- Trường cấp bằng: Trường Đại học Sao Đỏ
- Thông tin chứng nhận kiểm định chất lượng: Trường Đại học Sao Đỏ được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) công nhận Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Tên gọi văn bằng: Cử nhân Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Số tín chỉ yêu cầu: 146 tín chỉ (không bao gồm học phần điều kiện và học phần tự chọn tùy ý).
- Khoa quản lý: Khoa Kinh tế
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thang điểm đánh giá: Sử dụng thang điểm 10 quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.
- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (đào tạo chính quy, tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.
- Học tập nâng cao trình độ: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các CTĐT trình độ cao hơn về lĩnh vực kế toán.
- Chương trình tham khảo:
  - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam (2020), *Chương trình đào tạo ngành Kế toán*.
  - Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (2021), *Chương trình đào tạo ngành Kế toán*.
  - Binus University, Indonesia (2020), *Accounting study program*.
  - ST.John'S University, United States of America (2020), *Bachelor of science Accounting*.
- Thời điểm cập nhật: Tháng 6 năm 2024.

## **II. Tầm nhìn - Sứ Mệnh - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục**

### **2.1. Tầm nhìn - 2030**

Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ Khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư.

### **2.2. Sứ mệnh - 2025**

Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

### **2.3. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2025**

1. Thực hiện thành công sứ mệnh của Nhà trường trên nền tảng: sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thu nhập ổn định ở từng vị trí làm việc, có khả năng phát triển bản thân.

2. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong; phát huy tính tích cực, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị với mục tiêu: “hướng tới người học, vì người học”. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy theo quan điểm: “lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng” đáp ứng chuẩn đầu ra.

3. Xây dựng đề án mở ngành học mới theo nhu cầu xã hội và định hướng phát triển Nhà trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật - nâng cao năng lực thực hành - ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư để Nhà trường không chỉ là nơi phổ biến tri thức, dạy sinh viên cách tiếp cận công nghệ mà là nơi tạo ra tri thức, tạo ra công nghệ.

4. Nâng cao năng lực quản trị đại học; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện thông minh hóa trong công tác quản lý cán bộ, quản lý sinh viên, quản lý một số hoạt động đào tạo, quản lý công việc theo kết quả đầu ra; từng bước xây dựng trường học thông minh góp phần xây dựng thành phố thông minh.

5. Duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng (Quality Management Systems - QMS) theo TCVN ISO 9001:2015; tiếp tục thực hiện tự đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học; tái kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2023.

### **2.4. Triết lý giáo dục**

Chất lượng toàn diện - Hợp tác sâu rộng - Phát triển bền vững.

## **B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **I. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật, xã hội, nhân văn; có kiến thức chuyên môn toàn diện; có khả năng phân tích hoạt động kế toán, tài chính, kinh doanh tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và thích ứng với các môi trường làm việc; có ý thức tổ chức kỷ

luật trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, khả năng sáng tạo, tự học để phát triển bản thân trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể**

### **1.2.1. Kiến thức**

#### *1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương*

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về toán học, tin học, ngoại ngữ và khoa học xã hội, tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

#### *1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp*

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về kinh tế, pháp luật kinh tế, tài chính, nguyên lý, chuẩn mực kế toán.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về kế toán, tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

### **1.2.2. Kỹ năng**

1.2.2.1. Có kỹ năng khai thác mạng internet và phần mềm tin học văn phòng để thống kê, phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế.

1.2.2.2. Có kỹ năng vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá công tác tổ chức kế toán tài chính, kế toán quản trị trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

1.2.2.3. Có năng lực ngoại ngữ để nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, giao tiếp, ứng xử, giải quyết công việc với đồng nghiệp, chuyên gia nước ngoài.

### **1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Quyết định và hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

### **1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân Kế toán; đảm nhận được công việc kế toán, tài chính, thuế tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp với vai trò là người thực hiện trực tiếp, điều hành và quản lý; làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và theo học ở trình độ cao hơn.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức về toán học, ngoại ngữ và khoa học xã hội, tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.1.4. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, thống kê, chuẩn mực kế toán, luật và chế độ kế toán hiện hành để thực hiện công tác kế toán tài chính, kế toán quản trị trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

2.1.5. Phân tích được các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp để tham mưu cho lãnh đạo tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

2.1.6. Vận dụng được các kiến thức về kế toán tài chính, kế toán quản trị, quản trị tài chính để xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kế toán, tài chính.

## **2.2. Kỹ năng**

2.2.1. Hạch toán được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; lập được các chứng từ, sổ sách và báo cáo kế toán trong các loại hình doanh nghiệp và tổ chức kinh tế xã hội khác nhau phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và luật kế toán.

2.2.2. Lập, kê khai và quyết toán được các loại thuế phát sinh trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

2.2.3. Phân tích được số liệu kế toán để tham mưu cho lãnh đạo về lĩnh vực như: kế toán, thuế, tài chính.

2.2.4. Xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kế toán, tài chính.

2.2.5. Xây dựng được kỹ năng hợp tác, thích ứng với môi trường, công việc mới để dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

## **2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

2.3.1. Có sức khỏe, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Phát triển được khả năng tự học, tự nghiên cứu, định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực kế toán, tài chính.

2.3.3. Đề xuất kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến kế toán, tài chính.

2.3.4. Thiết lập quy trình điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

**III. Nội dung chương trình đào tạo****A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>3.1</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>52</b>		
<b>3.1.1</b>		<b>Lý luận chính trị</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
<b>3.1.2</b>		<b>Khoa học xã hội - nhân văn</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
7	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
8	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	2	2	0
9	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
<b>3.1.3</b>		<b>Ngoại ngữ (chọn 1 trong 3 ngoại ngữ)</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
<b>3.1.3.1</b>		<b>Tiếng Anh</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
10	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1	2	2	0
11	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	0
12	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	0
<b>3.1.3.2</b>		<b>Tiếng Trung Quốc</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
13	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1	2	2	0
14	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2	3	3	0
15	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3	3	3	0
<b>3.1.3.3</b>		<b>Tiếng Nhật</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
16	TNHAT 006	Tiếng Nhật căn bản 1	2	2	0
17	TNHAT 007	Tiếng Nhật căn bản 2	3	3	0
18	TNHAT 008	Tiếng Nhật căn bản 3	3	3	0
<b>3.1.4</b>		<b>Toán học - Khoa học tự nhiên - Tin học</b>	<b>11</b>	<b>9</b>	<b>2</b>
19	TOAN 015	Đại số tuyến tính	2	2	0
20	TOAN 017	Giải tích	2	2	0
21	TOAN 008	Xác suất và thống kê	3	3	0
22	TINCB 005	Tin học cơ bản	4	2	2
<b>3.1.5</b>		<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
23	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3	2	1
<b>3.1.6</b>		<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
24	GDTC 001	Giáo dục thể chất 1	1	0	1



STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
25	GDTC 002	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
26	GDTC 003	Giáo dục thể chất 3	1	0	1
<b>3.1.7</b>		<b>Giáo dục quốc phòng và an ninh</b>	<b>8 TC (165 tiết)</b>		
27	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
<b>3.2</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>94</b>	<b>60</b>	<b>34</b>
<b>3.2.1</b>		<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>0</b>
28	KETOAN 057	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	3	3	0
29	KETOAN 010	Luật kế toán	2	2	0
30	QTKD 041	Kinh tế vi mô	3	3	0
31	QTKD 052	Kinh tế vĩ mô	3	3	0
32	QTKD 054	Kinh tế lượng	3	3	0
33	QTKD 055	Pháp luật kinh tế	2	2	0
34	KETOAN 050	Lý thuyết tài chính	2	2	0
35	QTKD 042	Lý thuyết thông kê	2	2	0
<b>3.2.2</b>		<b>Kiến thức ngành</b>	<b>12</b>	<b>10</b>	<b>2</b>
<b>3.2.2.1</b>		<b>Phần bắt buộc</b>	<b>10</b>	<b>8</b>	<b>2</b>
36	KETOAN 034	Kế toán quốc tế	2	2	0
37	KETOAN 060	Nguyên lý kế toán	3	2	1
38	KETOAN 040	Kế toán doanh nghiệp 1	3	2	1
39	KETOAN 016	Phân tích hoạt động kinh tế	2	2	0
<b>3.2.2.2</b>		<b>Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 3 học phần sau)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
40	QTKD 001	Marketing căn bản	2	2	0
41	QTKD 056	Thống kê doanh nghiệp	2	2	0
42	KETOAN 033	Bảo hiểm	2	2	0
<b>3.2.3</b>		<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>42</b>	<b>30</b>	<b>12</b>
<b>3.2.3.1</b>		<b>Phần bắt buộc</b>	<b>40</b>	<b>28</b>	<b>12</b>
43	KETOAN 041	Kế toán doanh nghiệp 2	3	2	1
44	KETOAN 014	Kế toán chi phí	2	1	1
45	KETOAN 046	Kế toán quản trị	3	3	0
46	KETOAN 053	Quản trị tài chính	3	3	0
47	KETOAN 042	Kế toán doanh nghiệp 3	3	2	1
48	KETOAN 043	Kế toán doanh nghiệp 4	3	2	1
49	KETOAN 009	Kiểm toán căn bản	2	2	0
50	KETOAN 049	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	2	1
51	KETOAN 055	Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế	3	2	1
52	KETOAN 059	Thuế và kế toán thuế	4	3	1
53	KETOAN 012	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1
54	KETOAN 047	Kế toán tin	3	0	3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
55	KETOAN 022	Kế toán ngân sách và tài chính xã	2	2	0
56	KETOAN 028	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	2	1
<b>3.2.3.2</b>		<b>Phần tự chọn có hướng dẫn</b> (chọn 1 trong 3 học phần sau)	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
57	KETOAN 045	Kế toán hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	2	2	0
58	KETOAN 051	Nghiệp vụ kế toán ngân hàng	2	2	0
59	KETOAN 048	Kế toán xây dựng cơ bản	2	2	0
<b>3.2.4</b>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>20</b>
60	KETOAN 402	Thực tập chuyên đề	3	0	3
61	KETOAN 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
62	KETOAN 406	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học thêm 2 học phần chuyên môn sau)	10	0	10
63	KETOAN 035	Đề án kế toán thuế	3	0	3
64	KETOAN 056	Đề án kế toán doanh nghiệp	7	0	7
<b>Tổng (tín chỉ)</b>			<b>146</b>		

## B. HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN VÀ HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>I. Học phần điều kiện</b>			<b>8</b>	<b>6</b>	<b>2</b>
<b>I.1</b>		<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>
1	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	3	2	1
2	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	3	2	1
<b>I.2</b>		<b>Ngoại ngữ</b> (chọn 1 trong 3 ngoại ngữ)	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
3	TANH 042/ TTRUNG 020/ TNHAT 011	Tiếng Anh ngành Kế toán/Tiếng Trung nâng cao/Tiếng Nhật nâng cao	2	2	0
<b>II. Học phần tự chọn tùy ý</b>			<b>14</b>	<b>8</b>	<b>6</b>
4	KETOAN 407	Thực tập giữa khóa	3	0	3
5	KETOAN 054	Thị trường chứng khoán	3	2	1
6	KETOAN 044	Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ	3	2	1
7	KETOAN 052	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	2	0
8	QTKD 050	Quản trị văn phòng	3	2	1
<b>Tổng (tín chỉ)</b>			<b>22</b>	<b>14</b>	<b>8</b>

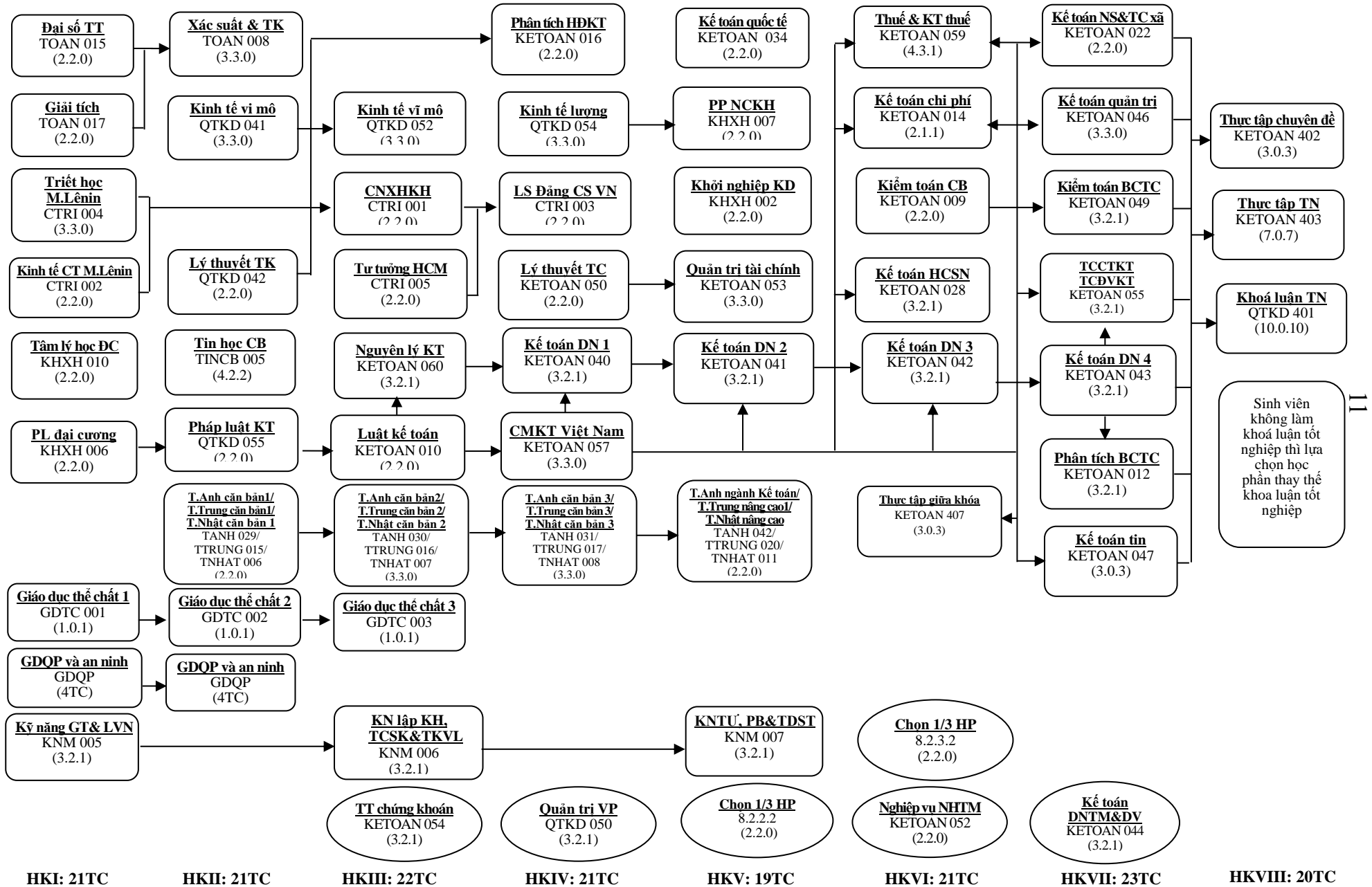
**IV. Ma trận tích hợp học phần – chuẩn đầu ra CTĐT**

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	2									3			4		4	
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2									3			4		4	
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									3			4		4	
4	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2									3			4		4	
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									3			4		4	
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2									3			4		4	
7	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học		3					3						3			
8	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	2									3			4		4	
9	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh				4							4			4	4	4
10	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1		3										3	3			
11	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2		3										3	3			
12	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3		3										3	3			
13	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1		3										3	3			
14	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2		3										3	3			
15	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3		3										3	3			
16	TNHAT 006	Tiếng Nhật căn bản 1		3										3	3			
17	TNHAT 007	Tiếng Nhật căn bản 2		3										3	3			
18	TNHAT 008	Tiếng Nhật căn bản 3		3										3	3			
19	TOAN 015	Đại số tuyến tính		3					2						2			
20	TOAN 017	Giải tích		3					2						2			
21	TOAN 008	Xác suất và thống kê		3					3						2			
22	TINCB 005	Tin học cơ bản			3									3	3	3		
23	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2									4	3		4		4	
24	GDTC 001	Giáo dục thể chất 1	2									3			4			
25	GDTC 002	Giáo dục thể chất 2	2									3			4			
26	GDTC 003	Giáo dục thể chất 3	2									3			4			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																		
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm						
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4			
27	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2											3			4				
28	KETOAN 057	Chuẩn mực kế toán Việt Nam				3			3									3			
29	KETOAN 010	Luật kế toán				4			4									4	4		
30	QTKD 041	Kinh tế vi mô				3			3									3			
31	QTKD 052	Kinh tế vĩ mô				3			3									3			
32	QTKD 054	Kinh tế lượng				3			3									3			
33	QTKD 055	Pháp luật kinh tế				3			3									3			
34	KETOAN 050	Lý thuyết tài chính				3			3									3			
35	QTKD 042	Lý thuyết thống kê				3			3									3			
36	KETOAN 034	Kế toán quốc tế				3			3									3			
37	KETOAN 060	Nguyên lý kế toán				4			4									4	4		
38	KETOAN 040	Kế toán doanh nghiệp 1				4			4									4	4		
39	KETOAN 016	Phân tích hoạt động kinh tế		3					3									3			
40	QTKD 001	Marketing căn bản				3							3						3		
41	QTKD 056	Thống kê doanh nghiệp				3							3						3		
42	KETOAN 033	Bảo hiểm				3							3						3		
43	KETOAN 041	Kế toán doanh nghiệp 2				4		4	4									4	4		
44	KETOAN 014	Kế toán chi phí				4			4									4	4		
45	KETOAN 046	Kế toán quản trị				4		4			4	4						4	4		
46	KETOAN 053	Quản trị tài chính					4	4			4	4							4	4	
47	KETOAN 042	Kế toán doanh nghiệp 3				4		5	4		4	4							4	4	
48	KETOAN 043	Kế toán doanh nghiệp 4				4		5	4		4	4							4	4	
49	KETOAN 009	Kiểm toán căn bản				3					3							3	3		
50	KETOAN 049	Kiểm toán báo cáo tài chính				4					4	4							4	4	
51	KETOAN 055	Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế				4		4	4			4							4	4	4
52	KETOAN 059	Thuế và kế toán thuế				4		4		4									4	4	
53	KETOAN 012	Phân tích báo cáo tài chính					4				4								4	4	4

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
54	KETOAN 047	Kế toán tin				4			4	4					4	4		
55	KETOAN 022	Kế toán ngân sách và tài chính xã				4			4						4	4		
56	KETOAN 028	Kế toán hành chính sự nghiệp				4			4						4	4		
57	KETOAN 045	Kế toán hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã				4			4						4	4		
58	KETOAN 051	Nghiệp vụ kế toán ngân hàng				4			4						4	4		
59	KETOAN 048	Kế toán xây dựng cơ bản				4		4	4	4					4	4		
60	KETOAN 402	Thực tập chuyên đề				4				4	4	4			4	4	4	
61	KETOAN 403	Thực tập tốt nghiệp				4	4				4	4	4		4	4	4	
62	KETOAN 406	Khóa luận tốt nghiệp				5	5	5	4	4	4	4		4	4	4	4	
63	KETOAN 035	Đề án kế toán thuế				5	5	5	4	4		4		4	4	4	4	
64	KETOAN 056	Đề án kế toán doanh nghiệp				5	5	5	4	4		4		4	4	4	4	
63	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	2									4	3		4		4	
64	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	2									4	3		4		4	
65	TANH 042/ TTRUNG 020/ TNHAT 011	Tiếng Anh ngành Kế toán/Tiếng Trung nâng cao/Tiếng Nhật nâng cao	3											3	3			
66	KETOAN 407	Thực tập giữa khóa				4	4		3	3	4	4		4	4	4		
67	KETOAN 054	Thị trường chứng khoán					4				4					4		
68	KETOAN 044	Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ				4		4	4						4	4		
69	KETOAN 052	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại				4					4					4		
70	QTKD 050	Quản trị văn phòng					4					4				4		

## V. Tiến trình đào tạo



HKI: 21TC

HKII: 21TC

HKIII: 22TC

HKIV: 21TC

HKV: 19TC

HKVI: 21TC

HKVII: 23TC

HKVIII: 20TC

## **VI. Nội dung các học phần**

### **6.1. Mô tả các học phần**

#### **1. Triết học Mác - Lênin**

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng (vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng); nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử (hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; Nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội, triết học về con người).

#### **2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin**

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản khoa học về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh của thế giới ngày nay và các nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh mới. Cụ thể: kinh tế thị trường và các quy luật của kinh tế thị trường; lý luận C. Mác về giá trị thặng dư và các hình thức biểu hiện giá trị thặng dư trong kinh tế thị trường; tích lũy và tái sản xuất trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh, độc quyền và vai trò của nhà nước trong kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; lợi ích kinh tế phát triển ở Việt Nam; cách mạng công nghiệp với sự phát triển ở Việt Nam; hội nhập kinh tế quốc tế và đảm bảo lợi ích quốc gia Việt Nam.

#### **3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thông qua giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

#### **4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; đường lối lãnh đạo của Đảng về xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng chống thực dân Pháp xâm lược từ 1945 - 1954 và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược giải phóng miền Nam thống nhất đất nước từ 1945 - 1975; đường lối Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thông qua các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng giai đoạn 1975 - 1986; lãnh đạo đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hoá và hội nhập quốc tế từ năm (1986 - 2020). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng kiến thức đường lối của Đảng vào thực tiễn.

## **5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

## **6. Pháp luật đại cương**

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam, Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Pháp luật về Luật lao động và Bảo hiểm xã hội, Pháp luật kinh doanh.

## **7. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

## **8. Tâm lý học đại cương**

Học phần giới thiệu cho sinh viên nội dung về cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng làm việc nhóm và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vận dụng các quy luật, cơ chế vận hành của tâm lý vào đời sống con người.

## **9. Khởi nghiệp kinh doanh**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

## **10. Tiếng Anh căn bản 1**

Học phần tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

Ngữ pháp: Cung cấp kiến thức về thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định, sở hữu cách.



Từ vựng: Các nhóm danh từ chỉ nghề nghiệp, gia đình, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet.

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

### **11. Tiếng Anh căn bản 2**

Học phần Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Ngữ pháp: Cách sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, tương lai, các cấu trúc ngữ pháp với giới từ, tính từ, trạng từ,...

Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ và các từ loại khác theo những chủ điểm khác nhau: Lễ hội, du lịch, văn hóa, môi trường, thể dục thể thao,...

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc hàng ngày, giao tiếp, ứng xử,...

### **12. Tiếng Anh căn bản 3**

Học phần Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau (giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống).

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

### **13. Tiếng Trung căn bản 1**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ âm: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung (cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán).

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi địa điểm, đổi tiền, mua bán, ăn uống...

Ngữ pháp: Cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在... cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

### **14. Tiếng Trung căn bản 2**

Học phần Tiếng Trung căn bản 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ điểm giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo.

Ngữ pháp: Câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ “的”, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ “有”, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền - số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”, “还是” và “或者”.

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết tương liên quan đến các chủ điểm giao tiếp trong học phần.

### **15. Tiếng Trung căn bản 3**

Học phần Tiếng Trung căn bản 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Ngữ pháp: câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí “了”, bổ ngữ trạng thái, câu hỏi dùng ngữ điệu nghi vấn, cách hỏi với “多”, phân biệt được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”, cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách hỏi nguyên nhân.

Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: hoạt động hàng ngày, sở thích cá nhân, cách biểu đạt phương hướng, thời gian,...

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống, ...

### **16. Tiếng Nhật căn bản 1**

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm.

Ngữ pháp: Thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định.

Từ vựng: Các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, nghề nghiệp, quốc tịch, tuổi tác, cách nói sở hữu, giá cả, nguồn gốc hàng hóa, vị trí đồ vật.

### **17. Tiếng Nhật căn bản 2**

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ Kanji thường dùng từ bài 1 đến bài 2.

Ngữ pháp: Cách chia động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho, tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, trợ từ đi cùng với động từ, trạng từ chỉ mức độ, tần suất.

Từ vựng: Chủ đề như ngày tháng, phương tiện giao thông, thể thao, mua sắm, ăn uống.

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị sự đồng ý, tán thành, cách nói giờ giấc, ngày tháng.

### **18. Tiếng Nhật căn bản 3**

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ Kanji thường dùng từ bài 3 đến bài 6.

Ngữ pháp: Cách biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, lượng từ, giới từ chỉ vị trí, động từ -iru, -aru.

Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về sở thích, giải thích lý do, mô tả sự sở hữu, tồn tại của người và sự vật, so sánh, đếm đồ vật và các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp

### **19. Đại số tuyến tính**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, dạng toàn phương.

### **20. Giải tích**

Học phần cung cấp kiến thức về các hàm một biến số (giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, phép tính tích phân); hàm nhiều biến số (giới hạn, tính liên tục, đạo hàm riêng, vi phân, cực trị, phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai).

### **21. Xác suất và thống kê**

Học phần cung cấp kiến thức về xác suất (giải tích tổ hợp, định nghĩa xác suất, các công thức xác suất, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều); lý thuyết thống kê (lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết).

### **22. Tin học cơ bản**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về máy tính, hệ điều hành windows, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, các kiến thức cơ bản về cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu. Học phần tin học cơ bản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

### **23. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm**

Học phần giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung cần thiết trong giao tiếp, các phương tiện và hình thức giao tiếp; khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm. Từ đó sinh viên biết vận dụng giao tiếp, làm việc nhóm vào trong quá trình học tập, rèn luyện của bản thân và trong cuộc sống hằng ngày.

### **24. Giáo dục thể chất**

Học phần Giáo dục thể chất 1, sinh viên được lựa chọn một trong các môn thể thao phù hợp với năng khiếu và cấu trúc giải phẫu của cơ thể để học tập, rèn luyện nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực:

- *Bóng đá 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; phân tích, thực hiện được kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân và một số bài tập bổ trợ phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng đá.

- *Bóng chuyền hơi 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; phân tích, thực hiện được kỹ thuật chuyền bóng thấp tay và một số bài tập phát triển thể lực chung, thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền hơi.

- *Khiêu vũ thể thao 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển môn khiêu vũ thể thao; phân loại khiêu vũ thể thao, các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Disco 9 bước và vũ điệu Chachacha, qua đó sinh viên hiểu được các luật khiêu vũ cơ bản và nhận biết các giai điệu trong khiêu vũ.

- *Golf 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các quy định về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, một số kỹ thuật cơ bản của môn Golf: kỹ thuật cầm gậy, kỹ thuật cầm gậy đẩy. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Golf, giúp sinh viên phân tích và thực hành được những kỹ thuật cơ bản.

- *Pickleball 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; tư thế đứng và cách di chuyển, cách cầm vợt, kỹ thuật đánh bóng cơ bản trong môn Pickleball, một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Pickleball.

## **25. Giáo dục thể chất 2**

Học phần Giáo dục thể chất 2 là sự kế thừa và liên thông kỹ thuật của môn thể thao mà sinh viên đã lựa chọn ở học phần Giáo dục thể chất 1. Sang học phần Giáo dục thể chất 2, sinh viên được học những kỹ thuật có độ khó cao hơn và hoàn thiện hơn về các tổ chức vận động cơ bản.

- *Bóng đá 2*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật ném biên và kỹ thuật ném biên; sinh viên được tập luyện những bài tập hỗ trợ phát triển thể lực chung và chuyên môn, nhằm phát triển hoàn thiện kỹ thuật cơ bản trong bóng đá của sinh viên.

- *Bóng chuyền hơi 2*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ năng chuyền hai trong thi đấu, qua đó giúp sinh viên làm quen với hoạt động thi đấu trên sân, tăng cường thể lực thông qua tập luyện kỹ thuật.

- *Khiêu vũ thể thao 2*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vũ điệu Disco 18 bước và vũ điệu Bachacha. Sinh viên tiếp cận các kỹ thuật nhảy Disco 18 bước và vũ điệu Bachacha qua các kiến thức và hệ thống bài luyện tập, thông qua đó giúp sinh viên nâng cao khả năng cảm thụ âm nhạc, phối hợp vũ đạo và âm nhạc.

- *Golf 2*: Nội dung của học phần 2 kế thừa và liên thông một số kỹ thuật cơ bản của học phần 1, phân tích và thực hiện được kỹ thuật vung gậy, kỹ thuật tiếp xúc bóng. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Golf.

- *Pickleball 2*: Nội dung của học phần kế thừa những kiến thức từ học phần GDTC 1, hoàn thiện các kỹ thuật thi đấu như kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật cắt bóng và kỹ thuật bỏ nhỏ trong môn Pickleball, một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Pickleball.

## **26. Giáo dục thể chất 3**

Học phần Giáo dục thể chất 3 là sự kế thừa và liên thông kỹ thuật môn thể thao mà sinh viên đã lựa chọn ở học phần Giáo dục thể chất 1 và 2. Sang học phần Giáo dục thể chất 3 sinh viên được học những kỹ thuật hoàn thiện hơn, được hướng dẫn phương

pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và các em được thể hiện kỹ năng của bản thân thông qua hoạt động thi đấu giữa các đội tuyển, tổ nhóm.

- *Bóng đá 3*: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: công tác trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu; phân tích, thực hiện được kỹ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu môn và một số bài tập thi đấu để phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng đá.

- *Bóng chuyền hơi 3*: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: công tác trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu; kỹ thuật phát bóng; một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền hơi, giúp sinh viên hoàn thiện kỹ thuật và tăng cường thể lực thông qua tập luyện.

- *Khiêu vũ thể thao 3*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật thi đấu môn khiêu vũ thể thao, tác dụng và các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Disco 24 bước và vũ điệu Bebop, thông qua đó giúp sinh viên có được cơ thể khỏe mạnh, một tinh thần phấn chấn, lạc quan, phát triển toàn diện.

- *Golf 3*: Nội dung của học phần 3 gồm những kiến thức cơ bản về: chiến thuật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài; một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Golf, giúp sinh viên rèn tính kiên trì, trung thực, văn hóa ứng xử trên sân.

- *Pickleball 3*: Nội dung của học phần kế thừa những kiến thức từ học phần GDTC 2, hoàn thiện các kỹ thuật thi đấu như kỹ thuật đánh bóng trên không, kỹ thuật đánh bóng nửa nảy và kỹ thuật đập bóng trong môn Pickleball, một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Pickleball.

### **27. Giáo dục quốc phòng và an ninh**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

### **28. Chuẩn mực kế toán Việt Nam**

Trang bị cho sinh viên các nguyên tắc, quy định chung trong hạch toán kế toán và các nguyên tắc, phương pháp kế toán cụ thể về tài sản, doanh thu, chi phí và một số nội dung đặc thù khác trong doanh nghiệp.

### **29. Luật kế toán**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy định chung về kế toán, các hành vi bị nghiêm cấm trong kế toán, chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, báo cáo tài chính; kiểm tra kế toán, kiểm kê tài sản, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán; kế toán trong trường hợp đơn vị kế toán chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi loại

hình hoặc hình thức sở hữu, giả thể, chấm dứt hoạt động, phá sản; tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán; hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán.

### **30. Kinh tế vi mô**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế học; quy luật cung cầu; nguyên tắc lựa chọn của người tiêu dùng; lựa chọn sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn của các loại hình doanh nghiệp; vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố sản xuất như vốn, lao động, đất đai; vai trò của chính phủ trong việc giải quyết những thất bại của kinh tế thị trường.

### **31. Kinh tế vĩ mô**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự vận động của các biến số kinh tế vĩ mô, chính sách vĩ mô của Nhà nước; phân tích lý thuyết và nhận biết định lượng về sự biến động của các biến số và quá trình thay đổi kinh tế trong nền kinh tế thị trường.

### **32. Kinh tế lượng**

Học phần cung cấp kiến thức về nguyên tắc thiết lập mô hình toán học mô tả mối quan hệ giữa các biến số, từ đó thu thập số liệu để ước lượng mô hình, kiểm định bản chất của sự phụ thuộc, sử dụng các biện pháp khác nhau để phát hiện các khuyết tật của mô hình và có biện pháp khắc phục và lựa chọn mô hình phù hợp với lý thuyết, sử dụng mô hình đó để dự báo và ra quyết định.

### **33. Pháp luật kinh tế**

Học phần trang bị kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành như các chế định pháp lý cơ bản điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, chế độ pháp lý về hợp đồng, cách thức ký kết và đảm bảo thực hiện hợp đồng, pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về tài chính.

### **34. Lý thuyết tài chính**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về tài chính, hệ thống tài chính; thị trường tài chính; tìm hiểu nội dung của các khâu ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế và các tổ chức tài chính trung gian. Phân biệt được phạm trù tài chính với các phạm trù: tiền tệ, giá cả, tiền lương, lãi suất,... Qua đó đánh giá sự tác động của các quan hệ tài chính đó tới nền kinh tế.

### **35. Lý thuyết thống kê**

Lý thuyết thống kê là một môn khoa học xã hội, nó phản ánh bản chất và tính quy luật của hiện tượng thông qua các con số, các biểu hiện về lượng của hiện tượng. Học phần Lý thuyết thống kê cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như phương pháp tính toán, phân tích cơ bản trong thống kê.

### **36. Kế toán quốc tế**

Học phần Kế toán quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kế toán quốc tế; tổ chức lập qui và qui trình soạn thảo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc

tế; khuôn mẫu lý thuyết chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; đối chiếu hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống chuẩn mực kế toán của một số quốc gia.

### **37. Nguyên lý kế toán**

Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, đối tượng nghiên cứu của kế toán; các phương pháp kế toán, vận dụng các phương pháp kế toán vào hạch toán các quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Giúp sinh viên có kiến thức tổng quát về kế toán, là nền tảng cho các học phần kế toán.

### **38. Kế toán doanh nghiệp 1**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc hạch toán, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ kế toán chủ yếu liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về kế toán vốn bằng tiền; các khoản phải thu ngắn hạn; các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn trong doanh nghiệp.

### **39. Phân tích hoạt động kinh tế**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh tế như: phân tích kết quả sản xuất kinh doanh theo từng mặt hàng, phân tích chất lượng sản phẩm, phân tích tính đồng bộ của sản xuất, phân tích các yếu tố về lao động, các yếu tố về tài sản cố định, phân tích yếu tố nguyên vật liệu, lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh, tình hình tài chính từ đó đưa ra các quyết định và giải pháp hợp lý mang lại hiệu quả cao nhất.

### **40. Marketing căn bản**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của marketing, quá trình hình thành hệ thống thông tin marketing, hoạt động nghiên cứu marketing, sự tác động của môi trường đến hoạt động marketing và quá trình triển khai các công cụ của marketing - mix: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

### **41. Thống kê doanh nghiệp**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thống kê trong doanh nghiệp. Thông qua các số liệu thống kê từng lĩnh vực cụ thể của doanh nghiệp sinh viên có thể đưa ra các phân tích, nhận xét và các giải pháp giúp doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn.

### **42. Bảo hiểm**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm như: Đối tượng, nội dung nghiên cứu bảo hiểm, nhiệm vụ bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại, bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển, bảo hiểm thân tàu thủy, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm cháy, bảo hiểm con người, bảo hiểm thất nghiệp.

### **43. Kế toán doanh nghiệp 2**

Kế toán doanh nghiệp 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ đối với kế toán tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính dài hạn; kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

#### **44. Kế toán chi phí**

Học phần kế toán chi phí trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về kế toán chi phí; phân loại chi phí sản xuất và giá thành; các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo nguyên vật liệu trực tiếp, theo nguyên vật liệu chính, theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương, phương pháp định mức; các phương pháp tính giá thành sản phẩm như phương pháp tính giá thành giản đơn, phương pháp tính giá thành theo hệ số, phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ, phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng.

#### **45. Kế toán quản trị**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, tổng quan về kế toán quản trị; phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; các quyết định về giá bán và các thông tin của kế toán quản trị với việc ra quyết định.

#### **46. Quản trị tài chính**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị tài chính của các doanh nghiệp như: Quản trị các loại vốn trong doanh nghiệp, doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn qua thị trường tài chính và phương pháp thẩm định hiệu quả dự án đầu tư, phương pháp lập kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp.

#### **47. Kế toán doanh nghiệp 3**

Kế toán doanh nghiệp A3 là một môn khoa học xã hội, nó phản ánh bản chất và nội dung hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các doanh nghiệp. Học phần kế toán doanh nghiệp A3 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ các phần hành kế toán, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các doanh nghiệp.

#### **48. Kế toán doanh nghiệp 4**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như:

- Kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận.
- Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các khoản nợ phải trả.
- Báo cáo tài chính.

#### **49. Kiểm toán căn bản**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kiểm toán; kiểm soát nội bộ; các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán tài chính; phương pháp kiểm toán và kỹ thuật chọn mẫu kiểm toán; quy trình kiểm toán và báo cáo kiểm toán; chuẩn mực kiểm toán.

#### **50. Kiểm toán báo cáo tài chính**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kiểm toán tài chính; nguyên tắc và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính như: kiểm toán chu trình bán hàng và thu tiền, kiểm toán chu trình mua hàng và thanh toán, kiểm toán chu trình hàng tồn



kho, kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn, kiểm toán chu trình tiếp nhận và hoàn lại vốn, kiểm toán các thông tin tài chính khác.

### **51. Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chứng từ; hệ thống tài khoản; sổ kế toán; chế độ báo cáo kế toán cũng như các phương pháp tổ chức công tác kế toán ở từng phân hệ kế toán như: kế toán vốn bằng tiền, các nghiệp vụ thanh toán; kế toán hàng tồn kho; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ; kế toán quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

### **52. Thuế và kế toán thuế**

Thuế và kế toán thuế là một môn khoa học xã hội, nó phản ánh bản chất và nội dung hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản thuế phải nộp cho ngân sách nhà nước. Học phần thuế và kế toán thuế trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp khai báo thuế trong doanh nghiệp và tính toán các khoản thuế phải nộp.

### **53. Phân tích báo cáo tài chính**

Phân tích báo cáo tài chính là một môn khoa học xã hội, nó phân tích và đánh giá sâu các nội dung thông qua dữ liệu của hệ thống báo cáo tài chính; trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chỉ tiêu tài chính, phương pháp phân tích các nội dung trên báo cáo tài chính theo yêu cầu.

### **54. Kế toán tin**

Học phần Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần mềm kế toán, quy trình xử lý của phần mềm kế toán. Sinh viên có thể vận dụng trình tự hạch toán trong phần mềm để áp dụng thực hiện ở các phần mềm kế toán khác nhau tại các doanh nghiệp sản xuất.

### **55. Kế toán ngân sách và tài chính xã**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ, báo cáo kế toán sử dụng trong đơn vị xã, phường; tài khoản sử dụng và phương pháp hạch toán các khoản tiền, vật tư, tài sản cố định, các khoản thanh toán, nguồn kinh phí và các quỹ tài chính ngoài ngân sách, thu ngân sách và thu sự nghiệp, chi ngân sách và chi sự nghiệp, chênh lệch thu chi ngân sách xã; quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi và quy trình quản lý, công khai ngân sách xã.

### **56. Kế toán hành chính sự nghiệp**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư tài chính và các khoản liên doanh liên kết, các khoản thu - chi và chênh lệch thu chi của hoạt động hành chính sự nghiệp, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh; hệ thống báo cáo tài chính và phương pháp lập báo cáo tài chính trong đơn vị hành chính sự nghiệp.

### **57. Kế toán hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như:

- Luật hợp tác xã và liên minh hợp tác xã
- Điều lệ liên minh hợp tác xã
- Chế độ kế toán hợp tác xã
- Một số quy định mới về thuế liên quan đến hợp tác xã và liên minh hợp tác xã

### **58. Nghiệp vụ kế toán ngân hàng**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán ngân hàng thương mại như: chứng từ, sổ sách kế toán, các mô hình tổ chức bộ máy kế toán của ngân hàng thương mại, các nguyên tắc, yêu cầu kế toán, kế toán nguồn vốn, kế toán nghiệp vụ tín dụng, kế toán thanh toán qua ngân hàng, kế toán kinh doanh ngoại tệ, kế toán thu nhập, chi phí, kế toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.

### **59. Kế toán xây dựng cơ bản**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán kế toán như: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp; kế toán đầu tư xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp.

### **60. Thực tập chuyên đề**

Thực tập chuyên đề nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp cận với bộ máy quản trị doanh nghiệp, tìm hiểu về cơ chế hoạt động, quy định chung tại đơn vị thực tập, cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành, nhân sự, bộ máy kế toán, làm quen với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập.

### **61. Thực tập tốt nghiệp**

Giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; vận dụng kiến thức đã học vào công tác kế toán thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc, phương thức tổ chức sản xuất, quản lý điều hành, tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị thực tập; rèn luyện khả năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

### **62. Khóa luận tốt nghiệp**

Giúp sinh viên củng cố, nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Học phần giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo. Rèn luyện nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo. Rèn cho sinh viên tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.

### **63. Đề án kế toán thuế**

Học phần rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng xác định các loại thuế phải nộp, hạch toán, kê khai và quyết toán các loại thuế phát sinh trong doanh nghiệp đúng quy định hiện hành. Sinh viên hình thành kỹ năng phân tích và đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp.

#### **64. Đề án kế toán doanh nghiệp**

Học phần rèn luyện cho sinh viên kiến thức để có cách nhìn tổng quan về kế toán tại các doanh nghiệp và nghiên cứu sâu hơn các phân hành kế toán trong doanh nghiệp, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong môn học kế toán doanh nghiệp.

#### **65. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm**

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về 2 kỹ năng:

+ Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện.

+ Kỹ năng tìm kiếm việc làm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, quá trình tìm việc làm; đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, chuẩn bị tốt cho buổi phỏng vấn, tham dự phỏng vấn, sau buổi phỏng vấn, thương lượng về lương bổng và các quyền lợi khác các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với yêu việc làm của xã hội.

#### **66. Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức kỹ năng thích ứng; biểu hiện của kỹ năng thích ứng với môi trường sống, trong học tập và môi trường làm việc của sinh viên; giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng; khái niệm, đặc điểm, lợi ích của kỹ năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, các bước và phương pháp tư duy phản biện, tư duy sáng tạo. Hình thành cho sinh viên khả năng thích ứng, kỹ năng phản biện, tư duy sáng tạo, qua đó vận dụng trong học tập và trong cuộc sống.

#### **67. Tiếng Anh ngành Kế toán**

Học phần trang bị cho sinh viên lượng từ vựng, kiến thức, các bài tập luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu và viết theo chủ điểm của từng bài học liên quan đến công việc thuộc lĩnh vực kế toán như số liệu, tài liệu văn phòng, công cụ điện tử, chu trình kế toán, nguyên tắc kế toán, các mẫu biểu kế toán như báo cáo thu nhập, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, việc mô tả sự thay đổi, thu thập thông tin từ báo cáo tài chính, thấu chi, chi phí, thuế, khấu hao, tài sản. Cung cấp thông tin về văn phòng hỗ trợ, hướng dẫn nguyên tắc kế toán, bộ điều khiển, tiền mặt và thanh toán, tài sản vô hình, trình bày báo cáo lãi và lỗ, kiểm soát nội bộ chống nhầm lẫn và trộm cắp, kế toán cơ sở dồn tích, chi phí chưa thanh toán, chi phí biến đổi, thủ tục cuối kỳ, phần mềm kế toán, báo cáo lãi và lỗ bất thường.

#### **68. Tiếng Trung nâng cao**

Học phần cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết,... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: câu bổ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn, hơn nhất, so sánh bằng, so sánh giống nhau, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra. Bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

### **69. Tiếng Nhật nâng cao**

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ Kanji thường dùng từ bài 7 đến bài 8.

Ngữ pháp: Các thể của động từ, nhóm động từ, các cấu trúc câu mệnh lệnh, cảm đoán, sai khiến, biểu thị mong muốn, cho phép.

Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về chủ đề tại nơi làm việc, nhà hàng, ngân hàng, mua bán, hỏi thăm, đưa chỉ dẫn, biểu thị mong muốn, thói quen, liệt kê đặc điểm của sự vật, diễn đạt trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp.

### **70. Thực tập giữa khóa**

Thực tập giữa khóa giúp sinh viên có cơ hội làm quen với môi trường doanh nghiệp, rèn luyện tác phong làm việc và ý thức tổ chức kỷ luật tại nơi làm việc. Sinh viên bước đầu được tiếp cận với các nội dung đã học ở trên lớp áp dụng vào thực tế. Sinh viên được quan sát, phân tích và thực hiện một số công việc kế toán cụ thể tại doanh nghiệp, qua đó có điều kiện so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn với trọng tâm là kiến thức của ngành học. Thông qua quá trình thực tập, sinh viên có cơ hội khám phá sở thích nghề nghiệp, đồng thời có định hướng về những kiến thức, kỹ năng cần tiếp tục trau dồi để đạt được mục tiêu nghề nghiệp Kế toán trong tương lai. Thông qua đợt thực tập giữa khóa, sinh viên có thể xác định hướng nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp hoặc thiết lập quan hệ cho đợt thực tập tốt nghiệp. Sinh viên được quan sát, phân tích và thực hiện một (một số) công việc cụ thể tại doanh nghiệp, qua đó có điều kiện so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn với trọng tâm là kiến thức của ngành học. Thông qua quá trình thực tập, sinh viên có cơ hội khám phá sở thích nghề nghiệp, đồng thời có định hướng về những kiến thức, kỹ năng cần tiếp tục trau dồi để đạt được mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai.

### **71. Thị trường chứng khoán**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán như: nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán được giao dịch, thị trường sơ giao dịch và thị trường phi tập trung, các quỹ đầu tư và các tổ chức kinh doanh chứng khoán. Giúp sinh viên tiếp cận các phương pháp phân tích chứng khoán trong hoạt động đầu tư.

### **72. Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ**

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản như: đặc điểm, yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán hoạt động mua bán hàng hóa, đánh giá hàng hóa; kế toán hoạt động mua hàng, bán hàng; kế toán hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

### **73. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về ngân hàng thương mại; nguyên lý hoạt động; các nghiệp vụ như huy động vốn, tín dụng, cho vay, nghiệp vụ ngân quỹ và thanh toán không dùng tiền mặt, bảo lãnh, thanh toán quốc tế... giúp sinh viên tiếp cận một cách có hệ thống hoạt động của ngân hàng thương mại.

#### 74. Quản trị văn phòng

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về văn phòng và tổ chức văn phòng, các nghiệp vụ cơ bản của văn phòng. Giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về công tác quản trị văn phòng trong các doanh nghiệp góp phần quản trị hiệu quả công tác văn phòng.

##### 6.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)

